

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2266/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở
cho hộ gia đình có công cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2006 - 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa X Kỳ họp thứ 9 về Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Việc làm và Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 740/SLĐT BXH-LĐVL ngày 06/9/2006 về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án nhà ở giai đoạn 2006 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án đạt mục tiêu đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Tài nguyên- Môi trường, Văn hóa - Thông tin; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010

*(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

I. MỤC TIÊU

Phân đầu đến cuối năm 2010 cơ bản hoàn thành việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 17.000 nhà ở cho 17.000 hộ đang gặp khó khăn bức xúc về nhà ở; trong đó:

- Hoàn thành việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với hộ thuộc diện chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công cách mạng vào cuối năm 2007.
- Hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg vào năm 2008.
- Hoàn thành việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo còn lại vào năm 2010.

Nếu huy động đủ nguồn lực, phân đầu hoàn thành vào cuối năm 2008.

II. ĐỐI TƯỢNG THUỘC PHẠM VI HỖ TRỢ CỦA ĐỀ ÁN

Đối tượng được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở là hộ gia đình có công với cách mạng và hộ thuộc diện nghèo đang gặp khó khăn bức xúc về nhà ở, bao gồm những hộ chưa có nhà ở và hộ có nhà ở nhưng tạm bợ, dột nát, không có khả năng để tự xây dựng, sửa chữa nhà ở. Cụ thể:

Tổng số: 17.000 hộ; trong đó:

- Hộ nghèo diện có công với cách mạng: 1.760 hộ;
- Hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Đề án 134 còn lại: 8.642 hộ;
- Hộ nghèo khó khăn nhà ở còn lại: 6.598 hộ.

III. MỨC HỖ TRỢ VÀ NHU CẦU KINH PHÍ

1. Đối với hộ gia đình có công với cách mạng

1.1- Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ làm mới (nhà tình nghĩa): 15 triệu đồng/nhà.

- Hỗ trợ cùng gia đình làm lại nhà mới: 8 triệu đồng/nhà.

- Hỗ trợ để sửa chữa nhà: 5 triệu đồng/nhà.

Riêng đối với hộ có công cách mạng nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ ít nhất là 6 triệu đồng/nhà.

1.2- Nhu cầu kinh phí: Tổng số: 14.295 triệu đồng; trong đó:

- Hỗ trợ làm mới (nhà tình nghĩa) 380 nhà: 5.700 triệu đồng;

- Hỗ trợ cùng gia đình làm lại nhà mới 565 nhà: 4.520 triệu đồng;

- Hỗ trợ để sửa chữa 815 nhà: 4.075 triệu đồng.

2- Đối với hộ nghèo người dân tộc thiểu số đời sống khó khăn thuộc diện theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg

2.1- Mức hỗ trợ:

Theo quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg: 6 triệu đồng/nhà (trong đó ngân sách Trung ương 5 triệu đồng/nhà và ngân sách tỉnh 1 triệu đồng/nhà).

2.2- Nhu cầu kinh phí: Kinh phí hỗ trợ cải thiện nhà ở cho 8.642 hộ đồng bào dân tộc thiểu số: 51.852 triệu đồng

3- Đối với hộ nghèo còn lại

3.1- Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở theo quy định tại Nghị quyết số 22/2005/NQ-HĐND ngày 16/7/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua một số nội dung huy động nguồn lực để hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể như sau:

- Khu vực miền núi:

+ Hỗ trợ làm nhà mới: 06 triệu đồng/nhà.

+ Hỗ trợ sửa chữa nhà: 03 triệu đồng/nhà.

- Khu vực đồng bằng:

+ Hỗ trợ làm nhà mới: 05,0 triệu đồng/nhà.

+ Hỗ trợ sửa chữa nhà: 02,5 triệu đồng/nhà.

3.2- Nhu cầu kinh phí: Tổng số: 25.374 triệu đồng, chia ra:

- Hỗ trợ làm mới 3.316 nhà: 16.962 triệu đồng;

- Hỗ trợ sửa chữa 3.282 nhà: 8.412 triệu đồng.

Tổng kinh phí thực hiện Đề án cho 03 nhóm đối tượng trên: 91.521 triệu đồng.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỪ NĂM 2006 ĐẾN 2010

1- Đối với hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số

- Năm 2006 và năm 2007: Mỗi năm hỗ trợ xây dựng 3.000 nhà, kinh phí thực hiện: 18.000 triệu đồng.

- Năm 2008: Hỗ trợ 2.642 nhà, kinh phí thực hiện: 15.852 triệu đồng.

(Kế hoạch chi tiết đối với từng địa phương tại Phụ lục 02 kèm theo).

Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số theo quyết định 134/2004/QĐ-TTg (Trung ương hỗ trợ 5 triệu đồng/nhà, ngân sách tỉnh 01 triệu đồng/nhà).

2- Đối với hộ gia đình có công với cách mạng

- Năm 2006: Hỗ trợ 910 nhà, kinh phí thực hiện: 7.370 triệu đồng; trong đó:

+ Hỗ trợ làm mới (nhà tình nghĩa): 195 nhà, kinh phí thực hiện: 2.925 triệu đồng;

+ Hỗ trợ cùng gia đình làm lại nhà mới: 290 nhà, kinh phí thực hiện: 2.320 triệu đồng;

+ Hỗ trợ để sửa chữa nhà: 425 nhà, kinh phí thực hiện: 2.125 triệu đồng.

- Năm 2007: Hỗ trợ 850 nhà, kinh phí thực hiện: 6.925 triệu đồng; trong đó:

+ Hỗ trợ làm mới (nhà tình nghĩa): 185 nhà, kinh phí thực hiện: 2.775 triệu đồng;

+ Hỗ trợ cùng gia đình làm lại nhà mới: 275 nhà, kinh phí thực hiện: 2.200 triệu đồng;

+ Hỗ trợ để sửa chữa nhà: 390 nhà, kinh phí thực hiện: 1.950 triệu đồng.

(Kế hoạch chi tiết đối với từng địa phương tại Phụ lục số 03a và 03b kèm theo).

Kinh phí để hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng xây dựng và sửa chữa nhà ở từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, Quỹ đền ơn đáp nghĩa (vận động ở tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn) và nguồn theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg đối với việc hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho người có công cách mạng nghèo đồng bào dân tộc thiểu số (Trung ương hỗ trợ 5 triệu đồng/nhà, ngân sách tỉnh 01 triệu đồng/nhà).

3- Đối với hộ nghèo còn lại

- Năm 2006, 2007, 2008 và 2009 mỗi năm: Hỗ trợ 1.280 nhà, kinh phí thực hiện: 4.913 triệu đồng; trong đó:

+ Làm mới: 640 nhà, kinh phí thực hiện 3.272 triệu đồng;

+ Sửa chữa: 640 nhà, kinh phí thực hiện 1.641 triệu đồng.

- Năm 2010: Hỗ trợ 1.478 nhà, kinh phí thực hiện: 5.722 triệu đồng; trong đó:

+ Làm mới: 756 nhà, kinh phí thực hiện 3.874 triệu đồng

+ Sửa chữa: 722 nhà, kinh phí thực hiện 1.848 triệu đồng

(Kế hoạch chi tiết đối với từng địa phương tại Phụ lục số 04a và 04b kèm theo).

Kinh phí để hỗ trợ gia đình nghèo xây dựng và sửa chữa nhà ở từ các nguồn: Trích ngân sách các cấp, Quỹ vì người nghèo (Trung ương hỗ trợ, huy động 02 ngày lương - thu nhập của cán bộ, công chức, công nhân viên chức doanh nghiệp và lực lượng vũ trang các cấp, đóng góp của nhân dân, nguồn tài trợ của các tổ chức kinh tế, từ thiện trong và ngoài nước và nguồn khác).

(Kế hoạch thực hiện từ năm 2006-2010 theo từng diện đối tượng tại Phụ lục 05).

Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND các cấp có thể điều tiết các nguồn kinh phí huy động được để hỗ trợ cho các nhóm đối tượng nhằm đạt được mục tiêu của đề án.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải quyết đất ở

Hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số, việc giải quyết đất ở thực hiện theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg ngày 27/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Đối tượng còn lại của Đề án, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo chủ yếu trên phần đất cũ hiện có của hộ gia đình. Trường hợp không có đất ở thì chính quyền địa phương cấp đất từ quỹ đất của địa phương. Việc xét cấp đất phải đảm bảo tính công bằng, dân chủ, công khai và có sự tham gia của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở địa phương.

2- Huy động và phân bổ nguồn kinh phí

2.1- Huy động nguồn kinh phí:

a) Nguồn kinh phí huy động để hỗ trợ xây dựng sửa chữa nhà ở cho đối tượng thuộc phạm vi Đề án bao gồm:

- Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tranh thủ sự hỗ trợ từ Quỹ Vì người nghèo và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa của Trung ương.

- UBND các cấp cụ thể hóa và chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả việc huy động nguồn kinh phí theo tinh thần Nghị quyết số 22/2005/NQ-HĐND ngày 16/7/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua một số nội dung huy động nguồn lực để hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm:

+ Quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa các cấp.

+ Ngân sách tỉnh; huyện, thị xã; xã, phường trích hàng năm.

+ Huy động các tổ chức tài trợ, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài nước.

+ Vận động cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân.

b) Kinh phí huy động: 91.521 triệu đồng

c) Cơ cấu theo nguồn:

- Hỗ trợ của Trung ương: 55.710 triệu đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ theo QĐ 134: 43.210 triệu đồng;

+ Hỗ trợ từ Quỹ Vì người nghèo: 2.500 triệu đồng;

+ Hỗ trợ cải thiện nhà ở người có công: 10.000 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) và vận động khác 35.811 triệu đồng.

(Cụ thể kế hoạch huy động theo từng nguồn tại Phụ lục 01b).

2.2- Phân bổ nguồn kinh phí:

Việc phân bổ kinh phí để thực hiện Đề án theo cơ chế sau:

- Cấp tỉnh hàng năm căn cứ nguồn lực huy động được ở tỉnh (Trung ương hỗ trợ và huy động ở tỉnh); kế hoạch huy động nguồn lực và thực hiện hỗ trợ xây dựng sửa chữa nhà ở của huyện, thành phố để phân bổ cho các huyện, thành phố.

- Các huyện, thành phố hàng năm căn cứ nguồn kinh phí ở tỉnh phân bổ, nguồn huy động được ở huyện, thành phố; kế hoạch huy động nguồn lực và nhu cầu hỗ trợ xây dựng sửa chữa nhà ở của xã, phường, thị trấn để phân bổ cho các xã, phường, thị trấn.

- Cấp xã, phường, thị trấn là đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí do cấp trên phân bổ và huy động được ở địa phương để đứng ra xây dựng, sửa chữa nhà ở theo trình tự và thủ tục của cơ quan thẩm quyền quy định.

3. Tuyên truyền, vận động

- Bằng nhiều hình thức: Thông qua các cơ quan thông tin đại chúng, lồng ghép vào các cuộc họp dân cư ở cơ sở, các hội đoàn thể để tuyên truyền, vận động và thông báo cho hộ nghèo đang khó khăn về nhà ở biết được chính sách hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người nghèo để mỗi hộ gia đình thuộc diện đề án hỗ trợ và họ tộc chủ động và tích cực trong việc góp tiền và công sức cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước để xây dựng, sửa chữa lại nhà ở cho gia đình.

- Đối với tổ chức hội, đoàn thể các cấp đẩy mạnh các phong trào vận động từng thành viên, hội viên của tổ chức, đơn vị đó giúp đỡ những hội viên nghèo đặc biệt khó khăn xây dựng và sửa chữa nhà ở. Mỗi địa phương xã, phường, thị trấn; thôn, khối phố thành lập các đội công tác tình nguyện, đội xây dựng tình nguyện của thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh giúp đỡ bằng công lao động trong việc xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hội viên nghèo của tổ chức đó.

4. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

4.1- Về tổ chức bộ máy:

Hình thành Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc thực hiện Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công cách mạng và hộ nghèo ở 3 cấp: tỉnh; huyện, thành phố và xã, phường với sự tham gia của các ngành chức năng và tổ chức đoàn thể có liên quan.

4.2- Phân công trách nhiệm:

a) Đối với các Sở, ngành, Hội đoàn thể tỉnh:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng kế hoạch vận động và quản lý nguồn kinh phí tổ chức thực hiện hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở đối với hộ có công với cách mạng.

- Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở đối với tượng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị UBNDTTQVN tỉnh thực hiện xây dựng kế hoạch vận động và quản lý nguồn kinh phí tổ chức thực hiện hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở đối với tượng hộ nghèo còn lại.

- Sở Xây dựng tỉnh có trách nhiệm thiết kế, lập dự toán và ban hành một số mẫu nhà ở cho người nghèo có tính đại diện và phù hợp với phong tục tập quán của các

vùng, miền trong tỉnh. Trên cơ sở đó các địa phương giới thiệu, hướng dẫn để hộ nghèo lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện của gia đình để xây dựng.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Sở Văn hóa - Thông tin, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện đối với lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ của ngành, đơn vị mình.

- Các Sở, Ban ngành, Hội đoàn thể, các cơ quan (kể cả cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh), doanh nghiệp có trách nhiệm vận động cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang thuộc quyền quản lý, hàng năm đóng góp theo mức quy định tại Nghị Quyết số 22/2005/NQ-HĐND ngày 16/7/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua một số nội dung huy động nguồn lực để hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tỉnh và Tỉnh Đoàn, ngoài việc hàng năm xây dựng kế hoạch, chương trình đẩy mạnh các phong trào vận động từng thành viên, hội viên của tổ chức đơn vị đó giúp đỡ những hội viên nghèo đặc biệt khó khăn xây dựng và sửa chữa nhà ở, cần chỉ đạo và hướng dẫn các cấp hội địa phương thành lập các đội công tác tình nguyện, đội xây dựng tình nguyện của thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh để giúp đỡ bằng công lao động trong việc xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hội viên nghèo trong tổ chức đó.

b) Đối với UBND huyện, thành phố:

Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phương án huy động nguồn vốn tại địa phương theo kế hoạch huy động vốn từng cấp của đề án. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý triển khai thực hiện việc hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo đúng đối tượng, công khai, dân chủ và đảm bảo kế hoạch chung theo quy định của đề án.

Trên đây là Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để giải quyết./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Huế

PHỤ LỤC: 01a
Đời tượng đang gặp khó khăn bức xúc về nhà ở
thuộc diện hỗ trợ của Đề án
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

T	T	Huyện, thành phố	Tổng số (hộ)	Hộ nghề/dân tộc thiểu số	Tổng số	Hộ có công cách mạng			Hộ nghề khác
						Chia ra	Cùng gia đình xây mới	Hỗ trợ sửa	
			7.337	264	1.271	272	428	571	2.868
1		TP Quảng Ngãi	217	0	60	4	14	42	63
2		Huyện Bình Sơn	1.680	67	239	50	80	109	671
3		Huyện Sơn Tịnh	1.275	0	207	45	71	91	553
4		Huyện Lý Sơn	87	0	20	3	8	9	4
5		Huyện Nghĩa Hành	1.163	62	167	40	58	69	448
6		Huyện Đức Phổ	749	0	189	44	66	79	291
7		Huyện Mộ Đức	900	0	200	43	65	92	296
8		Huyện Tư Nghĩa	1.266	135	189	43	66	80	542
II Miền núi			9.663	8.378	489	108	137	244	414
9		Huyện Trà Bồng	1.931	1.437	65	12	19	34	221
10		Huyện Sơn Tây	1.448	1.358	73	15	21	37	8
11		Huyện Minh Long	524	442	66	13	18	35	8
12		Huyện Ba To	1.152	986	96	21	28	47	40
13		Huyện Sơn Hà	3.384	3.035	107	27	29	51	131
14		Huyện Tây Trà	1.224	1.120	82	20	22	40	6
Tổng cộng:			17.000	8.642	1.760	380	565	815	3.282
			3.316	6.598	815	565	815	6.598	3.316
			16	22	40	22	22	40	6

PHỤ LỤC 01b
Kế hoạch huy động và bố trí nguồn kinh phí để hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở
cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo 5 năm (2006-2010)
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nguồn lực huy động	Tung ương hỗ trợ	Tỉnh	Huyện, thành phố	Xã, phường	Tổng công	Ghi chú
1	Hộ nghèo Dân tộc thiểu số (theo QĐ 134)	43.210	8.642			51.852	
	Nguồn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg	43.210	8.642			51.852	
2	Hộ gia đình có công cách mạng	10.000	1.400	1.975	920	14.295	
2.1	Trung ương hỗ trợ cải thiện nhà người có công	10.000					
2.2	Quyết định on đáp nghĩa (02 năm: 2006-2007)		900	1.975	920	13.795	
2.3	Quyết định on đáp nghĩa kết dư 2005		500			500	
3	Hộ nghèo khác	2.500	10.300	8.500	12.426	34.726	
3.1	Trích ngân sách (từ 43 xã CT 135)		7.500	4.550	586	12.636	
3.2	Quy vì người nghèo (05 năm 2006-2010)	2.500				2.500	
	- 02 ngày lương, thu nhập của cán bộ, công chức, công nhân viên chức doanh nghiệp và lực lượng vũ trang		2.800	3.950	1.840	8.590	
	- Đóng góp của nhân dân (trừ hộ nghèo và hộ dân ở xã có Chương trình 135)					10.000	
	- Tài trợ của các tổ chức kinh tế, từ thiện trong, ngoài nước và nguồn khác					1.000	
	Tổng cộng	55.710	20.342	10.475	13.346	100.873	

Ghi chú: Mức đóng góp của nhân dân (trừ hộ nghèo và dân xã 135):

- Miền núi, hải đảo (8.710 hộ x 10.000 đ/hộ/năm x 5 năm): 435 triệu đồng;
 - Đồng bằng 173.990 hộ, trong đó: + Thành thị (30.990 hộ x 20.000 đ/hộ/năm x 5 năm): 3.099 triệu đồng;
 + Nông thôn (143.000 hộ x 15.000 đ/hộ/năm x 5 năm): 10.725 triệu đồng.
 * Công (tính theo mức quy định): 14.259 triệu đồng
 * Ước huy động được khoảng 70%: 10.000 triệu đồng

PHỤ LỤC 02:
Kế hoạch hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo
đông dân tộc thiểu số theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg từ năm 2006 - 2008.
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

T	T	Huyện	Số nhà (cái)			Số tiền (triệu đồng)		
			Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1		Ba Tơ	342	302	302	5.916	2.052	1.812
2		Minh Long	150	142	142	2.652	900	852
3		Trà Bông	518	401	401	8.622	3.108	2.406
4		Tây Trà	381	358	358	6.720	2.286	2.148
5		Sơn Hà	1.070	895	895	18.210	6.420	5.370
6		Sơn Tây	449	460	460	8.148	2.694	2.760
7		Tư Nghĩa	46	43	43	810	276	258
8		Nghĩa Hành	21	20	20	372	126	120
9		Bình Sơn	23	21	21	402	138	126
		Cộng:	3.000	2.642	2.642	51.852	18.000	15.852

Ghi chú

PHỤ LỤC: 03a
Kế hoạch số nhà hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ có công với cách
mạng năm 2006 - 2007 đối với từng huyện, thành phố.
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Nhà

T	Huyện, thành phố	Tổng số (nhà)	Năm 2006							Năm 2007		
			Chia ra			Tổng số	Chia ra			Chia ra		
			Làm mới	Cùng gia đình làm mới	Sửa chữa		Tổng số	Làm mới	Cùng gia đình làm mới	Sửa chữa		
*	Đông bằng	1.271	655	139	223	293	616	133	205	278		
1	TP Quảng Ngãi	60	34	3	6	25	26	1	8	17		
2	Huyện Bình Sơn	239	120	25	40	55	119	25	40	54		
3	Huyện Sơn Tịnh	207	103	23	37	43	104	22	34	48		
4	Huyện Lý Sơn	20	11	2	4	5	9	1	4	4		
5	Huyện Nghĩa Hành	167	87	20	32	35	80	20	26	34		
6	Huyện Đức Phổ	189	102	22	36	44	87	22	30	35		
7	Huyện Mộ Đức	200	104	22	34	48	96	21	31	44		
8	Huyện Tư Nghĩa	189	94	22	34	38	95	21	32	42		
*	Miền núi	489	255	56	67	132	234	52	70	112		
9	Huyện Trà Bồng	65	35	6	9	20	30	6	10	14		
10	Huyện Sơn Tây	73	36	7	10	19	37	8	11	18		
11	Huyện Minh Long	66	35	7	9	19	31	6	9	16		
12	Huyện Ba To	96	50	11	14	25	46	10	14	22		
13	Huyện Sơn Hà	107	57	15	15	27	50	12	14	24		
14	Huyện Tây Trà	82	42	10	10	22	40	10	12	18		
	Tổng cộng	1.760	910	195	290	425	850	185	275	390		

PHỤ LỤC 04a
Kế hoạch số nhà ở được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo
còn lại từ 2006 đến 2010 đối với từng huyện, thành phố.
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

T	T	Huyện, thành phố	Số nhà hỗ trợ				Kế hoạch thực hiện theo thời gian				
			Chưa ra		Từ năm 2006 đến 2009		Năm 2010		Chưa ra		
			Xây mới	Sửa chữa	Tổng số cả 4 năm	Thực hiện mỗi năm	Sửa chữa	Xây dựng mới	Tổng số	Xây dựng mới	
*		<i>Đông bằng</i>	5.802	2.934	2.868	4.504	568	558	1.298	662	636
1		TP Quảng Ngãi	157	94	63	128	19	13	29	18	11
2		Huyện Bình Sơn	1.374	703	671	1.080	138	132	294	151	143
3		Huyện Sơn Tịnh	1.068	515	553	824	98	108	244	123	121
4		Huyện Lý Sơn	67	63	4	56	13	1	11	11	-
5		Huyện Nghĩa Hành	934	486	448	728	95	87	206	106	100
6		Huyện Đức Phổ	560	269	291	424	50	56	136	69	67
7		Huyện Mộ Đức	700	404	296	536	77	57	164	96	68
8		Huyện Tư Nghĩa	942	400	542	728	78	104	214	88	126
*		<i>Miền núi</i>	796	382	414	616	72	82	180	94	86
9		Huyện Trà Bồng	429	208	221	328	38	44	101	56	45
10		Huyện Sơn Tây	17	9	8	16	2	2	1	1	-
11		Huyện Minh Long	16	8	8	16	2	2	-	-	-
12		Huyện Ba Tơ	70	30	40	56	6	8	14	6	8
13		Huyện Sơn Hà	242	111	131	184	21	25	58	27	31
14		Huyện Tây Trà	22	16	6	16	3	1	6	4	2
Tổng cộng:			6.598	3.316	3.282	5.120	640	640	1.478	756	722

* Ghi chú: Từ năm 2006 đến 2009, kế hoạch hàng năm đều bằng nhau.

PHỤ LỤC: 04b
Kế hoạch kinh phí hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo
còn lại từ 2006 đến 2010 đối với từng huyện, thành phố
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

T	T	Huyện, thành phố	Kinh phí hỗ trợ		Kế hoạch thực hiện theo thời gian						
			Chia ra		Từ năm 2006 đến 2009						
			Tổng số	Sửa chữa	Thực hiện mỗi năm	Sửa chữa	Xây dựng mới	Tổng số			
*	Dòng băng		21.840,0	14.670,0	7.170,0	16.940,0	2.840,0	1.395,0	4.900,0	3.310,0	1.590,0
1	Thị xã Quảng Ngãi		627,5	470,0	157,5	510,0	95,0	32,5	117,5	90,0	27,5
2	Huyện Bình Sơn		5.192,5	3.515,0	1.677,5	4.080,0	690,0	330,0	1.112,5	755,0	357,5
3	Huyện Sơn Tịnh		3.957,5	2.575,0	1.382,5	3.040,0	490,0	270,0	917,5	615,0	302,5
4	Huyện Lý Sơn		325,0	315,0	10,0	270,0	65,0	2,5	55,0	55,0	-
5	Huyện Nghĩa Hành		3.550,0	2.430,0	1.120,0	2.770,0	475,0	217,5	780,0	530,0	250,0
6	Huyện Đức Phổ		2.072,5	1.345,0	727,5	1.560,0	250,0	140,0	512,5	345,0	167,5
7	Huyện Mộ Đức		2.760,0	2.020,0	740,0	2.110,0	385,0	142,5	650,0	480,0	170,0
8	Huyện Tư Nghĩa		3.355,0	2.000,0	1.355,0	2.600,0	390,0	260,0	755,0	440,0	315,0
*	Miền núi		3.534,0	2.292,0	1.242,0	2.712,0	432,0	246,0	822,0	564,0	258,0
9	Huyện Trà Bồng		1.911,0	1.248,0	663,0	1.440,0	228,0	132,0	471,0	336,0	135,0
10	Huyện Sơn Tây		78,0	54,0	24,0	72,0	12,0	6,0	6,0	6,0	-
11	Huyện Minh Long		72,0	48,0	24,0	72,0	12,0	6,0	-	-	-
12	Huyện Ba To		300,0	180,0	120,0	240,0	36,0	24,0	60,0	36,0	24,0
13	Huyện Sơn Hà		1.059,0	666,0	393,0	804,0	126,0	75,0	255,0	162,0	93,0
14	Huyện Tây Trà		114,0	96,0	18,0	84,0	18,0	3,0	30,0	24,0	6,0
	Tổng cộng:		25.374,0	16.962,0	8.412,0	19.652,0	3.272,0	1.641,0	5.722,0	3.874,0	1.848,0

PHỤ LỤC 05

Kế hoạch số nhà hỗ trợ xây dựng, sửa chữa từ năm 2006 - 2010

theo từng diện đối tượng

(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006

của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Nhà

T	T	Diện đối tượng	Kế hoạch hàng năm				Tổng cộng
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	
1		Hộ dân tộc thiểu số 134	3.000	3.000	2.642		8.642
2		Hộ cơ công cách mạng	910	850			1.760
		- Làm mới	195	185			380
		- Cung gia đình làm mới	290	275			565
		- Sửa chữa	425	390			815
3		Hộ nghèo còn lại	1.280	1.280	1.280	1.478	6.598
		- Xây mới	640	640	640	756	3.316
		- Sửa chữa	640	640	640	722	3.282
		Tổng cộng:	5.190	5.130	3.922	1.280	17.000

PHỤ LỤC 06:
Kế hoạch kinh phí hỗ trợ xây dựng, sửa chữa từ năm 2006 - 2010
theo từng diện đối tượng
(Kèm theo Quyết định số: 2266/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

T	Diện đối tượng	Kế hoạch hàng năm				Tổng cộng:
		Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	
T		18.000,0	18.000,0	15.852,0		51.852,0
	Hộ dân tộc thiểu số 134					14.295,0
	- Làm mới	2.925,0	2.775,0			5.700,0
	- Cùng gia đình làm mới	2.320,0	2.200,0			4.520,0
	- Sửa chữa	2.125,0	1.950,0			4.075,0
3	Hộ nghèo còn lại	4.913,0	4.913,0	4.913,0	5.722,0	25.374,0
	- Xây mới	3.272,0	3.272,0	3.272,0	3.874,0	16.962,0
	- Sửa chữa	1.641,0	1.641,0	1.641,0	1.848,0	8.412,0
	Tổng cộng:	30.283,0	29.838,0	20.765,0	4.913,0	91.521,0
		Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
	Tổng cộng					